

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày 23-3-2021
V/v tranh chấp “Tranh chấp
dân sự về bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Luân

2. Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 23 tháng 3 năm 2021 T trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc T, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Lâm Q, sinh năm: 1980. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23-7-2020).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1946.

Địa chỉ: đường Lê Văn T, phường 11, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Ngọc N, sinh năm: 1978.

2. Anh Phan T C, sinh năm: 1971.

Cả 02 cùng địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2015 bà Lê Kim Th là chị ruột của bà T có cho bà T trồng 68 cây sầu riêng trên đất của bà Th nhưng đã chết 02 cây nên còn lại 66 cây, ngoài cây sầu riêng thì bà T có trồng thêm 100 cây chuối sứ đến năm 2017 bà T làm hệ thống tưới nước. Khi

bà Th cho bà T trồng cây không làm giấy nhưng bà T có thuê anh Đ trồng cây cho bà T. Đất bà Th cho bà T trồng cây là do bà Th thừa kế của cha mẹ bà Th diện tích là 3.000m². Ngoài trồng cây trên đất của bà Th thì năm 2013 ông T có cho bà T trồng cây trên đất của ông T cụ thể là trồng cây chôm chôm đến năm 2016 thì bà T trồng 10 cây sầu riêng vì có 10 cây chôm chôm chết, năm 2017 bà T trồng thêm 30 cây sầu riêng. Khi ông T cho bà T trồng cây trên đất của ông T hai bên không làm giấy tờ gì cả, nhưng bà T thuê anh Đ chăm sóc từ năm 2015 cho đến ngày ông T lấy đất lại cho người khác thuê. Hiện T hai diện tích đất bà T trồng cây là do ông T đứng tên. Việc ông T đứng tên hai diện tích đất này là do trong đó có 01 phần diện tích đất là của ông T được thừa hưởng của cha mẹ, còn phần diện tích đất 3.000m² của bà Th để ông T đứng tên là do bà Th không chồng con sợ người khác chiếm đất nên giao cho ông T đứng tên luôn.

Nay bà T yêu cầu ông T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 114.600.000 đồng, còn lại số tiền 529.400.000 đồng bà T xin rút yêu cầu đối với ông T.

T phiên tòa bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà T xin rút lại đơn rút yêu cầu và giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện ngày 13-7-2020 là yêu cầu ông T có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 644.000.000 đồng vì trồng cây ăn trái tốn rất nhiều chi phí.

Các chi phí chăm sóc cây:

Cây trồng từ 02 năm tuổi trở xuống mỗi tháng bón phân 01 lần, mỗi lần bón tiền phân là 1.000.000 đồng, công thuê mướn bón phân 500.000 đồng/lần; thuốc trừ sâu mỗi tháng xịt 04 lần, mỗi tháng 200.000 đồng tiền thuốc và công xịt thuốc là 400.000 đồng; 06 tháng thuê máy cày đất để úp vào gốc cây 01 lần với chi phí 600.000 đồng/lần. Tổng chi phí là 52.800.000 đồng.

Cây trồng 03 năm tuổi, 03 tháng làm phân 01 lần, tiền phân bón 2.000.000 đồng và tiền thuê mướn 1.500.000 đồng/lần; Thuốc trừ sâu mỗi tháng xịt 04 lần, tiền thuốc mỗi tháng 400.000 đồng và tiền công xịt thuốc là 600.000 đồng; Tiền cày úp đất vào gốc 02 lần 1.200.000 đồng. Tổng chi phí chăm sóc cây năm thứ 03 là 27.200.000 đồng.

Cây trồng 04 năm tuổi 03 tháng làm phân 01 lần, tiền phân bón 2.500.000 đồng và tiền thuê mướn 1.000.000 đồng/lần; Thuốc trừ sâu mỗi tháng xịt 04 lần, tiền thuốc mỗi tháng 500.000 đồng và tiền công xịt thuốc là 600.000 đồng. Tổng chi phí chăm sóc cây năm thứ 04 là 27.200.000 đồng.

Cây trồng 05 năm tuổi 03 tháng làm phân 01 lần, tiền phân bón 3.000.000 đồng và tiền thuê mướn 1.000.000 đồng/lần; Thuốc trừ sâu mỗi tháng xịt 04 lần, tiền thuốc mỗi tháng 700.000 đồng và tiền công xịt thuốc là 600.000 đồng. Tổng chi phí chăm sóc cây năm thứ 05 là 31.600.000 đồng.

Vậy tổng chi phí thuê mướn, mua phân bón, thuốc trừ sâu chăm sóc cây trồng đến 05 tuổi là 138.800.000 đồng, còn lại 505.200.000 đồng là giá trị cây trồng 05 năm tuổi.

Bị đơn ông T trình bày: Đối với yêu cầu của bà T ông không đồng ý vì các loại cây như cây chôm chôm, cây sầu riêng, cây chuối và hệ thống tưới nước có trên đất là của bà Th, khi bà Th còn sống ông có cho bà Th trồng và làm hệ thống tưới tiêu, nay bà Th chết thì tài sản này là của ông. Đối với diện tích đất 3.000m² của bà Th như bà T trình bày hiện T do ông đứng tên là do bà Th không

có chồng con sợ sau này có người tranh chấp chiếm đất nên bà Th kêu ông đứng tên luôn. Còn bà T khai ông có cho bà T trồng cây trên đất của ông là không có. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh C và chị N trình bày: Anh chị có nhận thuê đất của ông T theo hợp đồng thuê do ông T cung cấp cho Tòa án là đúng, nay ông T và T có tranh chấp cây trồng trên đất với nhau không liên quan đến anh chị nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời anh chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định T Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà T đối với ông T. Buộc ông T có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền 114.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét T phiên tòa, kết quả tranh tụng T phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua xem xét thẩm định T chỗ và định giá tài sản tranh chấp: 106 cây sầu riêng, (50 cây chôm và 100 cây chuối sứ T thời điểm thẩm định, định giá đã bị ông T chặt bỏ), hệ thống tưới nước tự động và 01 giếng khoan. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 114.600.000 đồng (bút lệt 47,48,49,50).

[3] Bà T, bà Th và ông T là anh chị em ruột con của cụ Lê Văn Đ, theo bà T trình bày: Năm 2015 bà Th có cho bà T trồng 68 cây sầu riêng trên đất của bà Th nhưng đã chết 02 cây, còn lại 66 cây, ngoài trồng cây sầu riêng thì bà T có trồng 100 cây chuối sứ, năm 2017 bà T mới làm hệ thống tưới nước. Bà Th cho bà T trồng cây không làm giấy nhưng bà T có thuê anh Đ trồng cây cho bà T. Ngoài trồng cây trên đất của bà Th thì năm 2013 ông T có cho bà T trồng cây trên đất của ông T cụ thể là trồng cây chôm chôm, đến năm 2016 thì bà T trồng 10 cây sầu riêng vì có 10 cây chôm chôm chết, năm 2017 bà T trồng thêm 30 cây sầu riêng. Khi ông T cho bà T trồng cây trên đất của ông T hai bên không làm giấy tờ gì cả, nhưng bà T thuê anh Đ chăm sóc từ năm 2015 cho đến ngày ông T lấy đất lại cho người khác thuê. Nay ông T lấy đất lại bà đồng ý trả đất nhưng ông T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 644.000.000 đồng. Ngược lại ông T cho rằng các loại cây như cây chôm chôm, cây sầu riêng, cây chuối và hệ thống tưới nước có trên đất là của bà Th khi bà Th còn sống ông có cho bà Th trồng và làm hệ thống tưới tiêu nay bà Th chết thì tài sản này là của ông. Nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Các loại cây trồng như cây chôm chôm, cây sầu riêng, cây chuối sứ và hệ thống tưới nước có trên hai diện tích đất do ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà T trồng, khi ông T và bà Th cho bà T trồng cây không có lập hợp đồng, nhưng bà T có thuê anh Đ trồng cây và chăm sóc cây cho bà. Qua làm việc những người làm chứng thể hiện các loại cây như đã nêu trên và hệ thống tưới nước là của bà T không phải của ông T và bà Th trồng vì những người làm chứng có đất canh tác giáp ranh với đất bà T trồng cây, hơn nữa ông Đ là người bà T trực tiếp thuê trồng và chăm sóc cây (bút lứt 33, 32, 31, 29, 27); Tại biên bản làm việc ngày 31-7-2020 ông T không xác định được các loại cây chôm chôm và cây sầu riêng đang tranh chấp là do ai trồng, nay ông cho rằng các loại cây này do bà Th trồng (bút lứt 19) nhưng không có gì chứng minh. Do đó xác định các loại cây trồng giữa bà T và ông T tranh chấp là của bà T là có căn cứ.

[4] Ngày 15-01-2021 bà T tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 529.400.000 đồng, nhưng T phiên tòa bà T xin rút lại đơn rút yêu cầu mà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu ông T có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 644.000.000 đồng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Trong số tiền bà T yêu cầu ông T bồi thường là 644.000.000 đồng gồm có chi phí hợp lý chăm sóc cây trồng là 138.800.000 đồng và tiền giá trị của cây trồng T thời điểm khởi kiện là 505.200.000 đồng là không có căn cứ vì chi phí hợp lý mà bà T bỏ ra chăm sóc lúc cây mới trồng cho đến cây được 05 năm tuổi đã được tính vào giá trị của cây trồng tại thời điểm định giá mà Hội đồng định giá đã định là 114.600.000 đồng. Nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T. Ông Lê Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền là 114.600.000 đồng là có căn cứ. Giao ông T được quyền sở hữu 106 cây sầu riêng, 01 hệ thống tưới tự động loại ống 90 và 01 giếng khoan.

[5] Đối với 50 cây chôm chôm đã bị chặt qua làm việc các đương sự xác định thời điểm ông T cho anh C và chị N thuê là cây chôm chôm 07 năm tuổi, anh C và chị N chặt phá 50 cây chôm chôm và 100 cây chuối sứ có sự đồng ý của ông T nên ông T có nghĩa vụ bồi thường như đã nêu trên và không xác định quyền sở hữu của ông T đối với các loại cây đã chặt phá là có căn cứ.

[6] Qua làm việc cũng như tại phiên tòa bà T, ông T với vợ chồng anh C, chị N không tranh chấp với nhau trong vụ án này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Ông Lê Văn T và bà Lê Ngọc T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ông Lê Văn T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp để trả lại cho bà Lê Ngọc T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 217, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 170, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T đối với ông Lê Văn T.

Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Ngọc T số tiền 114.600.000 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà ông T còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Lê Văn T được quyền sở hữu các tài sản gồm: 106 cây sầu riêng, 01 hệ thống tưới tự động loại ống 90 và 01 giếng khoan.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T và Lê Ngọc T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Lê Văn T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để trả lại cho bà Lê Ngọc T.

Bà T và ông T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh C và chị N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài